

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30-3-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Lộc.

2. Bà Nguyễn Thị Di.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 255/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 04/2022/QĐ-TA ngày 25 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm: 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà B52, tổ 8, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm: 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà B52, tổ 8, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Thanh L tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, theo Giấy kết hôn số 83, quyển số 01 ngày 30-10-2000. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau 02 con chung. Tuy nhiên, qua một thời gian dài chung sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, rạn nứt về tình cảm. Từ mâu thuẫn liên quan đến tình cảm, kinh tế, tài chính lo cho cuộc sống gia đình, vợ chồng không có sự chia sẻ đồng cảm với nhau, cả hai không thể giải quyết được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng làm ảnh hưởng đến sức khỏe cuộc sống của hai bên. Mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã tìm cách hàn gắn cũng như được gia đình hai bên hòa giải, nhưng không giải quyết được. Xác định mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung và cấp dưỡng: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 05-10-2001 và cháu Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 02-11-2007. Chị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu anh L cấp dưỡng, cháu H đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo kết quả xác minh, anh L có hộ khẩu thường trú tại ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và đang sinh sống tại địa phương.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do, chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các điều 205, 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các điều 225, 237 và 239 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành nghiêm chỉnh quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh L. Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc D cho chị N nuôi dưỡng và anh L không phải cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị N xác định yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh L được xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh L tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo chị N sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên được một thời gian thì liên tục phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không có tiếng nói chung và không còn sự tôn trọng lẫn nhau. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị N xin được ly hôn với anh L. Quá trình tố tụng anh L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập nhiều lần để làm rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn. Theo kết quả xác minh quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn gì hay không thì địa phương không nắm rõ, chị N cho rằng mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn trong khi đó anh L cố tình vắng mặt cho thấy không có thiện chí hòa giải đoàn tụ. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì yêu cầu xin ly hôn của chị N là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng: Chị N yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh L cấp dưỡng. Xét thấy, cháu D có nguyện vọng được ở với mẹ và chị N yêu cầu được nuôi con nên giao cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Việc chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng là hoàn toàn tự nguyện nên ghi nhận. Đối với cháu H đã trưởng thành và không có yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] Án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh Nguyễn Thanh L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Thanh L.

- Về con chung và cấp dưỡng: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 02-11-2007 cho chị Trần Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và anh Nguyễn Thanh L không phải cấp dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm

dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Án phí: Chị Trần Thị N phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008523 ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- CCTHA dân sự huyện Long Điền;
- UBND xã Phước Tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án...

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Võ Hoàng Đức